TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/2024/QĐST-HNGĐ	*Trà Ôn, ngày 13 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Thanh T,** sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Chị **Thạch Thị Cẩm H**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: ấp R, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Thanh T và chị Thạch Thị Cẩm H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Lê Thanh T và chị Thạch Thị Cẩm H có 02 con chung tên Lê Thị Hồng N, sinh ngày 21/7/2001 và Lê Tuấn K, sinh ngày 17/4/2010. Cháu Lê Thị Hồng N hiện đã thành niên và phát triển bình thường nên không xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Lê Tuấn K, sinh ngày 17/4/2010 cho anh Lê Thanh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Thạch Thị Cẩm H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Thanh T và chị Thạch Thị Cẩm H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Thanh T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số 0011120 ngày 04/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, còn lại 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) trả lại cho anh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND thị trấn C, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Theo GCNKH số 42 ngày 07/6/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga